

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 26

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 30 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi lăm, hàng thứ tư từ dưới lên, xem từ chữ cuối cùng.

“Lại nữa, bài Tán Tâm Bồ-đề nói: Nếu ai cầu Phật huệ, thông đạt tâm Bồ-đề, từ thân cha mẹ sanh, mau chứng ngôi Đại giác”. Điều mà bốn câu kệ này nói, câu đầu tiên nói về học Phật, các đồng học chúng ta phải chú ý, học Phật là học điều gì? Chính là cầu Phật huệ. Phật huệ ở đâu? Phật huệ là vốn sẵn có, tuy sẵn có nhưng chúng ta đã mê mất. Cầu Phật huệ chính là tìm lại trí tuệ bát-nhã sẵn có trong tự tánh, đó gọi là học Phật, thật sự học Phật. Trong Đại Kinh từng giây từng phút nhắc nhở chúng ta một câu mà đức Phật đã nói rất nhiều lần: “một tức là hết thảy, hết thảy tức là một”, tìm được Phật huệ thì toàn bộ vô lượng công đức trong tự tánh đều tìm được. Đức Phật thường nói về trí tuệ và đức tướng, đây là nêu lên cái chính yếu, nếu nói chi tiết thì không thể nói hết, vô lượng vô biên trí tuệ và đức tướng toàn bộ đều tìm lại được, đây là thật sự học Phật. Điều quan trọng nhất trong việc cầu Phật huệ là phát tâm Bồ-đề. Thông và đạt ở chỗ này đều có nghĩa là phát, thông là thông suốt, không có chướng ngại, đạt là đạt đến. Tâm Bồ-đề là gì? Hôm qua tôi đã nói với quý vị là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, vậy viên mãn rồi. Hiện nay chúng ta tìm lại tâm Bồ-đề như thế nào? Thứ nhất, tâm chúng ta không chân thành, vì sao nói tâm chúng ta không chân thành? Tâm chúng ta có chấp trước, có phân biệt, có vọng tưởng. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ thành, “một niệm không sanh gọi là thành”, nếu có một niệm thì không thành rồi, điều này có cùng ý nghĩa với lời Phật nói trong kinh giáo. Thông thường chúng ta dùng lời dễ hiểu để nói, thì không khởi tâm, không động niệm chính là chân tâm, khởi tâm động niệm là vọng tâm.

Vì sao có vọng tâm? Đức Phật nói rất hay: “một niệm bất giác nên có vô minh”, một niệm bất giác này là vô minh, gọi là vô thi vô minh. Vô thi chẳng phải

là quá khứ rất lâu không thể tìm được nên gọi là vô thí, không phải là nghĩa này. Thưa quý vị, vô thí là không có khởi đầu, đúng vậy, chính là một niệm ngay lúc này. Bồ-tát Di-lặc nói, trong một giây, hiện nay chúng ta dùng giây làm đơn vị, nếu trong một giây khảy ngón tay năm lần thì có 1.600 ngàn tỉ niệm, một niệm trong đó gọi là một niệm bất giác. Không phải là số niệm trong tưởng tượng của chúng ta, khi chúng ta tưởng tượng thì không biết đã có bao nhiêu niệm rồi, mỗi vọng tưởng đều dùng con số ngàn tỉ để tính, cho dù là niệm ngắn nhất trong một khảy ngón tay, thì trong một khảy ngón tay đã có 320 ngàn tỉ niệm, niệm mà đức Phật nói tới là niệm này, niệm này vô thí. Mỗi niệm đều vô thí, cho nên mỗi niệm cũng không diệt, không sanh không diệt, đây là thật, bạn không tìm được sự sanh diệt của nó, vì vậy đối với vấn đề này thì chúng ta thường hiểu nó là sanh diệt đồng thời, do tốc độ quá nhanh. Chẳng những không cách nào diễn tả bằng ngôn ngữ, mà ngay cả thức thứ sáu của chúng ta cũng không nắm bắt được nó, thức thứ sáu phân biệt nhanh nhạy nhất mà vẫn không nắm bắt được. Vì sao đức Phật biết rằng ý niệm vi tế như vậy chính là một niệm bất giác? Phật nói với chúng ta, từ Bồ-tát Bát địa trở lên đều biết. Chúng ta liền hiểu được Bồ-tát Bát địa có công phu định lực ra sao, bạn tu thiền định đến Bát địa thì sẽ thấy được, tâm phải thanh tịnh ngàn ấy mới có thể cảm nhận được sự dao động sóng vô cùng vi tế đó đang sanh diệt, khởi lên rồi diệt mất có cùng ý nghĩa với sanh diệt. Cho nên Bồ-tát Bát địa thấy được, Cửu địa thấy được, Thập địa thấy được, Đẳng giác thấy được, Diệu giác thấy được, rất nhiều người thấy, không phải chỉ một. Vì vậy, Bồ-đề là một niệm giác ngay tức thời, vô minh là một niệm mê ngay tức thời. Một niệm giác là bất động, đại sư Huệ Năng nói rất hay: “nào ngờ tự tánh vốn không dao động”, đó là một niệm giác; một niệm mê là vọng động, là dao động, vô minh là tướng động, cho nên tướng nghiệp của a-lại-da chính là vô minh, vô thí vô minh.

Vì vậy chúng ta cầu Phật huệ thì nhất định phải phát tâm Bồ-đề, hiện nay tâm chúng ta không thành thật, chúng ta biết rõ điều này, đúng là không chân thành. Chúng ta phải học Phật, học pháp thân Bồ-tát, dùng chân tâm, dùng thành ý, phải bắt đầu ngay từ bây giờ, không được chờ đợi, chờ đợi là xong luôn, phải ngay hiện thời, đối nhân xử thế tiếp vật, sinh hoạt hay làm việc đều dùng tâm chân thành. Mọi người đều biết rằng trong xã hội này, nếu dùng tâm chân thành thì rất thiệt thòi, người khác đều lừa bạn, song bạn không lừa người. Bạn phải giác ngộ được, nếu người khác lừa mình mà mình cũng lừa họ, vậy người khác tạo lục đạo, mình cũng tạo lục đạo, người khác đọa đường ác, mình cũng đọa đường ác, chẳng phải là

nghĩa như vậy sao? Nếu bạn muốn thoát khỏi ba đường ác, ra khỏi mười pháp giới, thì bạn hãy học Phật Bồ-tát, phải chân thật, không giả dối. Điều này rất quan trọng, đây gọi là giác ngộ! Trong một niệm bạn giác ngộ rồi, sẽ không trôi xuôi theo dòng nữa, đó là biển khổ của lục đạo, bạn không làm điều này nữa, mà dùng tâm chân thành. Tự thọ dụng của tâm chân thành là tâm thanh tịnh, xác thực không còn ô nhiễm nữa, điều này phải có công phu. Vì sao vậy? Trong thế gian này của chúng ta, đặc biệt là xã hội hiện nay, ngũ dục lục trần đều đang dụ hoặc bạn: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, thứ nào cũng đang dụ hoặc bạn, nếu bạn có thể không bị lay động thì mới đắc tâm thanh tịnh. Nếu bạn bị chúng làm dao động, tâm thanh tịnh sẽ mất ngay lập tức, đường Bồ-đề sẽ không thông suốt, con đường ấy liền không thông nữa; tâm thanh tịnh thì con đường ấy thông suốt. Sau khi đắc tâm thanh tịnh, còn phải tiến thêm bước nữa, đắc tâm bình đẳng, bình đẳng là tâm Phật, là Phật trong mười pháp giới, là tâm Phật. Tiến cao hơn nữa là Phật thật, không phải là Phật giả, tâm Bồ-đề liền thông suốt, liền đạt được, liền viên mãn.

Do đây mà biết, tâm bình đẳng gần với tâm Bồ-đề nhất. Bạn xem nhan đề kinh này, sau thanh tịnh, bình đẳng là giác, bình đẳng mới có thể giác, không bình đẳng thì sẽ không giác, phải triệt để diệt trừ tập khí ngạo mạn của chúng ta thì mới bình đẳng. Từ đây bạn có thể hiểu rõ vì sao phải học khiêm hạ, vì sao ta phải khiêm hạ đối với người khác, khiêm hạ đối với hết thảy chúng sanh? Vốn là để thông với tâm Bồ-đề. May mắn tập khí kiêu mạn đều chướng ngại tâm Bồ-đề, không thông suốt nữa. Bạn nói xem, khiêm hạ có lợi cho ai? Có lợi ích lớn cho chính mình! Không phải cho người khác, làm thông suốt tâm Bồ-đề của chính mình, bạn nói xem vấn đề này quan trọng biết bao. Thông đạt tâm Bồ-đề phải bắt đầu làm từ khiêm hạ, khiêm hạ với người, khiêm hạ với hết thảy động vật, với muỗi, kiến đều khiêm hạ, chúng ta gọi chúng là Bồ-tát kiến, Bồ-tát muỗi, có tâm cung kính đối với chúng từ trong nội tâm, chúng sẽ cảm nhận được. Hiện nay xem ra chúng ta đã hiểu rõ, học Hoàn Nguyên Quán rồi, chúng ta liền biết mỗi vi trần, mỗi sợi lông, nói theo thuật ngữ khoa học hiện nay thì mỗi tế bào, mỗi hạt cơ bản, đều do ngũ uẩn sắc thọ tướng hành thức hiện ra. Nói cách khác, nó có thể tích, tuy rất nhỏ, mắt thịt của chúng ta không nhìn thấy được, song nó có thọ tướng hành thức, những thứ này chính là a-lại-da, nó có thể biến hiện vạn pháp, hết thảy vạn pháp đều do những hạt cơ bản này tổ hợp thành. Có nhà khoa học nói những hạt cơ bản này là một hiện tượng chân động, nói không sai, xác thực là hiện tượng chân động, một niệm bất giác là dao động sóng, nó từ dao động sóng mà có, nói không sai chút nào. Nếu

không động thì không có, không có ngũ uẩn. Cho nên trí tuệ bát-nhã hiện tiền, soi thấy ngũ uẩn đều không, hiện nay chúng ta biết ngũ uẩn là hạt cơ bản, còn nhỏ hơn tế bào.

Thật sự có thể thông đạt thì “thân do cha mẹ sanh, mau chứng ngôi Đại giác”, hai câu này nói chúng đấng Phật quả viên mãn rốt ráo trong một đời. Chỉ cần bạn dùng tâm Bồ-đề thì bạn chắc chắn có thể chứng đắc; pháp môn Tịnh tông này bảo đảm bạn thành tựu trong một đời, không thể nghĩ bàn. Thế nên thật sự tu hành, công phu chân thật chính là trong cuộc sống không còn khởi tâm động niệm nữa. Trong công việc, trong đối người tiếp vật, trong hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, không khởi tâm, không động niệm, vậy thì thành Phật viên mãn. Về điểm này thì không làm được, không khởi tâm, không động niệm, không làm được, quá khó, đó không phải là người thông thường, trong Phật pháp gọi là người thượng thượng căn, Thích-ca Mâu-ni Phật đã thị hiện cho chúng ta, ở Trung Quốc vào thời Đường thì đại sư Huệ Năng cũng biểu diễn cho chúng ta, đó là người thượng thượng căn. Người trung hạ căn, tập khí phiền não nặng, đã huân tu từ vô thi kiếp. Chúng ta gặp được duyên, một người trong đời có thể tu hành thành tựu hay không, đại sư Thiện Đạo nói một câu rất hay: “đều do gặp duyên khác nhau”, duyên là cơ hội, nếu bạn gặp được cơ duyên rất tốt thì đời này bạn có thể thành tựu, có thể quay đầu. Gặp được thánh giáo, gặp được Đại thừa, gặp được Tịnh độ, đều là duyên! Gặp được thiện tri thức tốt, chính là gặp thầy; thiện hữu và đồng học tốt; gặp được hoàn cảnh tu học tốt, điều này thật sự khó, thật không dễ dàng. Những điều này bạn đều gặp được rồi thì bạn đời này chắc chắn thành tựu, duyên đầy đủ, thiện căn đầy đủ, phước đức đầy đủ. Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu, phước đức là thật làm, vậy thì bạn sẽ nhanh chóng chứng ngôi Đại giác.

Lại xem đoạn sau: “*Lại nữa, vua của các kinh là kinh Hoa Nghiêm nói: Quên mất tâm Bồ-đề mà tu các pháp thiện thì gọi là ma nghiệp*”. Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy, chúng ta đọc qua. Chúng ta tu hành đã quên mất tâm Bồ-đề, thật sự quên mất sao? Thật vậy, thậm chí bạn đang học tập kinh giáo, bạn đang giảng kinh thuyết pháp trên giảng đài mà vẫn quên mất tâm Bồ-đề. Vì sao quên mất? Vì không có tâm chân thành, vẫn xen tạp danh vẫn lợi dưỡng, vẫn xen tạp tự tư tự lợi, liền quên mất tâm Bồ-đề, quên sạch hết. Nói cách khác, hễ còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không có tâm Bồ-đề, đó là gì? Đó là tâm chúng sanh trong lục đạo, là tâm luân hồi. Dùng tâm luân hồi giảng kinh cũng là tạo

nghiệp luân hồi, chẳng qua nó là nghiệp thiện trong nghiệp luân hồi, quả báo tương lai là ở ba đường thiện, không thoát khỏi lục đạo luân hồi, đây chính là ma nghiệp. Cho nên tu hết thấy thiện pháp, tu Phật pháp, đều gọi là ma nghiệp, là phước báo trong lục đạo. Bạn tu đến trời Sắc giới, tu đến trời Vô Sắc giới vẫn chưa được, tuổi thọ trong trời Vô Sắc giới hết rồi thì vẫn đọa lạc, ngàn ngữ gọi là trèo cao ngã đau, trèo tới trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, sau khi chết rồi, trong kinh đức Phật nói với chúng ta, thông thường đều đọa địa ngục A-tỳ. Vì sao vậy? Tín tâm của họ dao động, người ấy làm tướng trời Phi Tướng Phi Phi Tướng là đại Bát-niết-bàn mà chư Phật chứng đắc, trong cảnh giới ấy họ ngỡ rằng chính mình đã chứng đắc đại Bát-niết-bàn, không sanh không diệt. Tới khi công phu định lực mất đi, trong kinh nói thọ mạng của họ cũng chính là công phu định lực của họ, dài tám vạn đại kiếp, khi hết tám vạn đại kiếp, định của họ sẽ mất đi, khi mất đi thì họ liền nghĩ: “Trước đây chư Phật Bồ-tát đã gạt mình, chúng đến đại Niết-bàn thì không sanh không diệt, vì sao hiện nay phiền não của mình lại hiện hành?” Một niệm ấy liền tạo tội nghiệp địa ngục A-tỳ, hủy báng thánh hiền, báng Phật, báng pháp, báng tăng, do tội nghiệp ấy mà đọa địa ngục, bạn nói xem đáng sợ biết bao! Họ không biết chính mình đã sai, họ đổ cái sai ấy cho tam bảo. *“Tầm quan trọng của phát tâm, không thể dùng lời để thí dụ được”*, chúng ta nhất định phải nhớ điều này.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Các vị như sư Nguyên Hiểu”*, vị này đã được nói trong phần trước, *“cho rằng phát tâm Bồ-đề là nhân chánh, niệm Phật là nhân trợ”*. Trong Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã dùng ý nghĩa này, trong Di-đà Kinh Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích chú giải nói: “có thể vãng sanh hay không quyết định bởi có tín nguyện hay không”, bạn xem, tín nguyện là nhân chánh; “công phu niệm Phật sâu hay cạn là phẩm vị cao hay thấp sau khi vãng sanh Cực Lạc”. Có thể vãng sanh hay không là do tín nguyện quyết định, phẩm vị cao thấp là do công phu niệm Phật của bạn quyết định, lời đại sư Ngẫu Ích nói cũng cùng một nghĩa với các vị như sư Nguyên Hiểu. *“Các vị như Thiện Đạo, Linh Chi của nước ta và các vị trong Tịnh tông Nhật Bản lại cho trì danh là chánh hạnh, phát tâm là trợ hạnh”*. Đây là người nhân thì thấy nhân, người trí thì thấy trí, các vị tổ sư đại đức có quan điểm khác nhau, có những vị cho rằng trì danh niệm Phật là chánh hạnh, phát tâm Bồ-đề là trợ hạnh, chánh trợ phải cùng tu, có chánh mà không có trợ thì không thể thành công, có trợ mà không có chánh cũng không thể thành công. Do vậy, đại sư Liên Trì đã dung hòa chúng lại, đại sư Liên Trì đã nói trong Di-đà Kinh Sớ Sao rằng, *“nói dung hòa rằng: vẫn lấy trì danh làm chánh hạnh, lại coi trì danh là phát tâm*

Bồ-đề”. Thật sự trì danh thì chính là phát tâm Bồ-đề, vì sao vậy? Trong đây có đạo lý, trì danh niệm Phật đến nhất tâm bất loạn thì chẳng phải là tâm Bồ-đề hay sao? Trì danh chưa đạt đến nhất tâm bất loạn thì không phải là tâm Bồ-đề, quý vị phải biết điều này. Tâm Bồ-đề là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, ta niệm câu A-di-đà Phật này, niệm suốt ngày từ sáng đến tối, trong tâm là A-di-đà Phật, trong miệng là A-di-đà Phật, toàn bộ những thứ khác đều buông xuống, đó chính là tâm Bồ-đề. Nếu ta niệm A-di-đà Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhưng không buông xuống những thứ khác, để chúng xen tạp bên trong thì không phải là tâm Bồ-đề. Các thuyết đều có lý, đại sư Liên Trì đã dung hội chúng lại, đây chính là một là hết thấy, hết thấy là một, pháp môn không hai, tâm Bồ-đề và trì danh là một, không phải hai. Người thật sự trì danh niệm Phật, quả thật họ đã viên mãn tâm Bồ-đề, nếu không thì khi người ấy vãng sanh sao có thể có tướng lành đẹp như vậy, biết trước ngày giờ, ra đi rất ung dung, rất tự tại. Do họ có tâm Bồ-đề. Đại sư Liên Trì nói trong Sớ Sao: *“Liên dùng cả hai thuyết để dung hội ý nghĩa”*.

“Nay đề cao”, nay là hiện nay, chúng ta đề cao *“phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm là tông của kinh này”*. Đây là kết hợp phát tâm với trì danh lại, đây là tông chỉ của kinh này, là nguyên tắc chỉ đạo tu học của kinh này. Nói cách khác, tông này là kinh bậc nhất của Tịnh độ tông, cũng có nghĩa là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong việc tu Tịnh độ chính là tám chữ này, *“phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm”*. *“Tức là dùng thuyết của hai nhà”*, hai nhà là hai phái, hai học phái xưa nay, chủ trương là gộp thuyết của hai phái lại. *“Lại còn dẫn về danh hiệu, thật khéo hợp với ý của đại sư Liên Trì”*. Phát tâm vãng sanh thì đương nhiên phẩm vị vãng sanh càng cao càng tốt. Càng cao càng tốt, vậy thì phải nhờ trì danh, hết lòng, thật thà niệm Phật thì phẩm vị sẽ cao. Chúng ta phải hiểu rõ ràng sáng tỏ những ý nghĩa này, sẽ rất hữu ích đối với việc tu học của chính mình. *“Vả lại tám chữ này triển khai ra sẽ thành lời dạy của thiền sư Triệt Ngộ”*, triển khai tám chữ này chính là bốn câu nói của đại sư Triệt Ngộ: *“thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”*, thiền sư Triệt Ngộ đã nói như vậy. Ngài niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, tuy là bậc đại đức của Thiên tông, song ngài quay đầu niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Chúng ta phải ghi nhớ mười sáu chữ này, thật vì sanh tử, không sanh tử luân hồi nữa, sanh tử luân hồi khổ không thể nói nổi. Sau khi chúng ta thoát khỏi lục đạo, thành tựu ở thế giới Cực Lạc, nói thật ra thì không thành tựu cũng được, vừa đến thế giới Cực Lạc thì ngay lập tức tới mười phương thế giới hóa độ chúng sanh cũng được. Vì sao vậy? Bản nguyện oai thần của Di-đà gia trì cho

bạn, tuy bạn là phạm phu, nhưng trí tuệ và đức năng bằng với Bồ-tát Thất địa, bạn là Bồ-tát A-duy-việt-trí, chỉ cần gặp A-di-đà Phật, bạn liền được đãi ngộ như Bồ-tát A-duy-việt-trí, bạn liền đạt được. Cho nên, nếu bạn chứng đắc A-duy-việt-trí thì đương nhiên càng tốt, phổ độ chúng sanh; nếu chưa chứng đắc, nhưng bạn có tâm đại từ bi, nhìn thấy chúng sanh quá khổ, cũng được, bạn ứng hóa trong lục đạo, A-di-đà Phật và các đại Bồ-tát sẽ thường chăm sóc bạn. Thật vậy, chứng đắc A-duy-việt-trí ở thế giới Cực Lạc, A-duy-việt-trí là viên chứng ba loại bất thoái, chính là Bồ-tát Sơ trụ của Viên giáo trong kinh Hoa Nghiêm. Họ đến ứng hóa trong lục đạo liệu có bị mê hay không? Họ sẽ không mê, vì sao vậy? Họ đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh thì sao có thể thoái chuyển được? Không có đạo lý này. Bồ-tát thế nào thì sẽ mê? Trong mười pháp giới, tức là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật trong mười pháp giới, người trong tứ thánh pháp giới tới ứng hóa trong lục đạo sẽ bị mê khi cách ám, pháp thân Bồ-tát không bị. Bồ-tát trong mười pháp giới chỉ có vị bất thoái, hạnh của họ bị thoái chuyển, niệm thì không cần phải nói nữa, họ chỉ có vị bất thoái. Đạt đến minh tâm kiến tánh, ra khỏi mười pháp giới, chứng đắc Sơ trụ của Viên giáo, hay Sơ địa của Biệt giáo thì sẽ không thoái chuyển. Ở địa vị này, chư Phật Như Lai vẫn gia trì cho họ, tăng tiến trí tuệ đạo lực cho họ, giúp họ một tay, để họ thành tựu công đức giáo hóa chúng sanh.

Tiếp theo nói, *“rút gọn lại”*, phần trên là triển khai thì thành bốn câu của đại sư Triệt Ngộ, *“rút gọn lại thì chính là tín nguyện trì danh mà đại sư Ngẫu Ích đề xướng”*. Đại sư Ngẫu Ích nói bốn chữ này, đơn giản. Bốn chữ này được lão pháp sư Ấn công, tức là đại sư Ấn Quang, tổ sư thứ 13 của Tịnh tông chúng ta thọ trì suốt đời. Bạn xem Văn Sao thấy ngài thường dạy người tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ, tâm truyền của ngài, ngài truyền pháp gồm những chữ sau: “vẹn luân thường, tròn bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ”, mấy chục chữ này Ấn tổ đã hành trì suốt đời, giảng thấu triệt những chữ này. *“Di-đà Yếu Giải lấy tín nguyện trì danh làm tông”*. Nêu rõ tông, luận về dụng thì trong A-di-đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã dùng tín nguyện trì danh, bởi vì kinh Di-đà và kinh này là cùng một bộ, Đại bản và Tiểu bản, cho nên nguyên tắc chỉ đạo tương đồng. Tiếp theo nói: *“Lại nói, tín nguyện trì danh là yếu chỉ của kinh này”*, những lời này đều do đại sư Ngẫu Ích nói, *“tín nguyện là huệ hạnh, trì danh là hành hạnh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn”*, hai câu này nói rất hay! Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu học của Tịnh tông, *“do vậy, huệ hạnh để*

dẫn đường, hành hạnh là chánh tu”. Tín nguyện, khi chúng tôi giảng kinh Di-đà, kinh nói “không thể ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước kia”, thiện căn là gì? Thiện căn chính là có thể tin, có thể hiểu, đây là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là có thể niệm, bạn thật làm, thật sự trì danh. Nhân duyên là hoàn cảnh trợ duyên bên ngoài, bạn gặp pháp môn này, gặp những thiện tri thức tu học pháp môn này, họ đến giúp đỡ bạn, đây là ngoại duyên. Đầy đủ ba cái là thiện căn, phước đức, nhân duyên thì nhất định được vãng sanh, ba cái này thiếu một cái cũng không được. Bạn có phước đức, có nhân duyên, mà không có thiện căn thì khi gặp sẽ thế nào? Sẽ không tin, cũng không cách nào hiểu được, cho nên ý nguyện niệm Phật, ý nguyện cầu vãng sanh cũng không khởi lên được. Nếu không có phước đức, bạn có thể tin, có thể hiểu, nhưng không làm được, không kháng cự nổi sự dụ hoặc của danh văn lợi dưỡng trước mắt. Chẳng phải bạn không hiểu, nhưng sức dụ hoặc quá mạnh, biết rõ mà vẫn phạm, người như vậy rất nhiều, không phải là ít. Vì vậy, Ấn tổ suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả là hết sức có đạo lý. Hiểu nhân quả thì thế nào? Hiểu nhân quả thì sẽ biết vấn đề sanh tử đúng là chuyện lớn! Đòi đòi kiếp kiếp mê hoặc điên đảo làm sự việc này, kết bao nhiêu oan nghiệp với hết thầy chúng sanh. Thật sự hiểu rõ ràng sáng tỏ rồi, tức là hiểu rõ chân tướng sự thật của đạo lý nhân quả, thật sự giác ngộ rồi thì sẽ không làm nữa, hạ quyết tâm không làm nữa, đời này ta nhất định phải ra khỏi lục đạo, ra khỏi mười pháp giới, đây là sức mạnh của nhân quả, như vậy bạn sẽ thật làm, thật làm chính là đại phước đức, vô lượng phước đức. Hành hạnh là chánh tu, niệm niệm không rời A-di-đà Phật, một niệm tương ưng thì niệm đó là Phật, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm là Phật, tương ưng với A-di-đà Phật. “*Như mắt và chân đồng thời sử dụng*”, đây là nói ví von cho dễ hiểu, ta thấy đường, ta liền bước lên một bước.

Lại nói: “*Tin sâu, phát nguyện chính là vô thượng Bồ-đề. Hợp tín và nguyện lại đích thực là kim chỉ nam của Tịnh độ, nương điều này mà chấp trì danh hiệu, đó là chánh hạnh*”. Đại sư Ngẫu Ích nói mấy câu này rất hay, trong chánh hạnh còn có điều kiện, phải niệm như thế nào? Trong câu Phật hiệu này đầy đủ tin sâu và phát nguyện, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành, đã thành Phật đạo rồi, quý vị nghĩ xem, độ chúng sanh, đoạn phiền não, học pháp môn, chẳng phải đều ở trong đó hay sao? Bốn câu tứ hoằng thế nguyện, câu sau sâu hơn câu trước. Có điều thứ nhất chưa chắc đã có điều thứ hai, có điều thứ hai thì nhất định phải có điều thứ nhất, có điều cuối cùng thì ba điều trước đó nhất định phải đầy đủ, cho nên nó là viên mãn. Do vậy, tin sâu phát nguyện là vô thượng Bồ-

đề. “Hợp tín và nguyện lại”, đó chính là kim chỉ nam của Tịnh độ, nương theo đây mà chấp trì danh hiệu thì gọi là chánh hạnh. Đại sư Ngẫu Ích nói đầy đủ điều kiện này thì mới là chánh hạnh thật sự. “*Kinh Đại Bản A-di-đà*”, đây chính là kinh Vô Lượng Thọ, “*cũng xem phát nguyện Bồ-đề là quan trọng, hoàn toàn tương đồng với điều này*”. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là chấp trì danh hiệu, nguyện thứ mười chín là phát tâm Bồ-đề, vãng sanh Tịnh độ đều làm Bồ-tát A-duy-việt-trí”, câu này cũng là điều được nói trong nguyện thứ mười chín. “*Có thể thấy tín nguyện trì danh và phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, đúng là cùng một tông chỉ*”, có cùng một tông chỉ. Đại sư Ngẫu Ích nói bốn chữ, kinh Vô Lượng Thọ nói tám chữ, nhưng cùng một ý nghĩa, tông chỉ hoàn toàn tương đồng. “*Đại sư Ngẫu Ích lấy tín nguyện trì danh làm tông của Tiểu bản. Tông chỉ của Đại bản và Tiểu bản phải giống nhau, cho nên nay nói*”, hiện nay chúng ta đang học tập kinh Vô Lượng Thọ, “*phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm là tông của Đại bản. Đây chính là tuân theo lời dạy của đại sư Ngẫu Ích vậy*”, hoàn toàn tương ứng với lời dạy của đại sư Ngẫu Ích.

Tiếp theo lại giải thích cho chúng ta về “nhất hướng chuyên niệm”, “*hai từ nhất hướng có mấy nghĩa*”, trong đây có mấy ý nghĩa. Thứ nhất là “*hướng về một phương mà tiến lên*”, một phương này là phương Tây, đích đến chính là thế giới Cực Lạc, từ nhất hướng có ý nghĩa thứ nhất như vậy. Thứ hai là “*ngả về một bên*”, nhất quyết không chọn phương Đông, Nam, Bắc, mà chỉ chọn lấy phương Tây, cũng không chọn phương trên, phương dưới, mà chọn riêng phương Tây, cũng cùng một nghĩa với hướng về một phương ở trên. Thứ ba là “*một mực*”, thứ tư là “*luôn là*”. Thứ năm là “*một khoảng thời gian*”, ý nghĩa thứ năm “*một khoảng thời gian*” cũng nói rất hay, chính là khoảng thời gian trước mắt này của chúng ta, không nói quá khứ, cũng không nói tương lai, trong khoảng thời gian trước mắt này, chúng ta nhất định phải hoàn thành, phải đến được đích. “*Luôn là*” nghĩa là khởi tâm động niệm luôn là A-di-đà Phật, nhất định không có tạp niệm, “*một mực*” và “*luôn là*” mang ý nghĩa này. “*Cho nên biết, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật có nghĩa là thường xuyên chuyên y chỉ pháp môn trì danh niệm Phật*”, điều này quan trọng! Chúng ta phải buông xuống vạn duyên, không chỉ buông xuống vạn duyên, mà ngay cả Phật pháp cũng buông xuống. Đại sư Liên Trì đã làm gương cho chúng ta, ngài nói “*tam tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ*”, ngài không làm nữa; “*tám vạn bốn ngàn hạnh, dành cho người khác hành*”, các bạn thích học pháp môn nào thì cứ học, ngài đều cung kính tán thán. Bản thân ngài thì sao?

Bản thân ngài chuyên niệm Di-đà, thật sự chuyên. Có một năm, trước đây ngài ở Hàng Châu, tôi từng đến thăm đạo tràng của ngài, hiện nay nơi ấy mở quán trà, quả thật chúng tôi nhìn thấy rất đau lòng. Trong Đại Hùng Bảo Điện, toàn bộ tượng Phật không còn nữa, biến thành quán trà, là đạo tràng của tổ sư! Đại điện nơi đó gọi là điện Thần Vận, cho nên khi chúng tôi nghĩ đến chuyện này thì rất đau lòng. Có một năm, Hàng Châu bị hạn hán vô cùng nghiêm trọng, quan Thái thú, Thái thú thời đó hiện nay gọi là Thị trưởng, đến cầu lão hòa thượng, mong lão hòa thượng hãy phát tâm từ bi cầu mưa dứt hạn. Trong Phật môn, bạn thấy trong bản Đại khóa tụng có nghi thức cầu mưa, đó là cầu long vương. Đại sư Liên Trì nói với mọi người: “Tôi không biết nghi thức này, tôi chỉ biết niệm Phật, chúng ta cùng nhau niệm Phật là được rồi”. Ngài dẫn một đám người, gõ mõ niệm A-di-đà Phật, đi bên bờ ruộng, quả thật ngài đi tới đâu, mưa rơi tới đó, thật sự linh ứng! Chỉ dùng câu A-di-đà Phật, nghi thức gì cũng đều không có, thành ất linh! Trong truyện ký của đại sư Liên Trì có chép câu chuyện như vậy. Câu A-di-đà Phật này vô cùng hữu dụng, chỉ cần thành tâm thành ý, nhất định không được hoài nghi, nhất định không được xen tạp thì sẽ có cảm ứng, đại sư Liên Trì dùng câu Phật hiệu A-di-đà Phật để cầu mưa, đã cầu được rồi.

Hiện nay, hình như là năm trước, cư sĩ Tề Tố Bình xây chùa ở huyện Khánh Vân, tỉnh Sơn Đông, chùa Kim Sơn. Lúc ấy ở nơi đó, 400 mẫu ruộng lúa mì sắp thu hoạch, bỗng nhiên bị nạn châu chấu, phiền phức rồi, lúa mì sẽ bị châu chấu ăn hết. Nông dân ở lân cận nói với bà phải phun thuốc, cư sĩ Tề gọi điện thoại hỏi tôi, phun thuốc trừ sâu là sát sanh, tôi nói: “Bà hãy suy nghĩ xem nên xử lý thế nào”. Cuối cùng bà đã nghĩ thông, không sát sanh, tuyệt đối không phun thuốc, thà để 400 mẫu lúa mì cho châu chấu ăn, cúng dường chúng nó, chứ không sát hại chúng. Khởi lên ý niệm như vậy, bà cũng dẫn một nhóm người vào ruộng lúa mì niệm A-di-đà Phật, đi nhiều Phật quanh ruộng; trời đổ xuống một trận mưa nhỏ, sau khi một trận gió thổi qua thì không còn một con côn trùng gây hại nào nữa. Những nông dân lân cận rất kinh ngạc, vì sao không có? Thật vậy, không tìm được con nào, bội thu. Nếu bà phun thuốc trừ sâu thì sẽ kết oán thù với những chúng sanh ấy, vậy thì phiền phức lớn. Bà phát tâm từ bi, một con châu chấu nhỏ cũng không giết. Bà cũng không nghĩ chúng nó sẽ rời đi, kết quả là thật sự không còn những côn trùng ấy nữa, bà kể cho tôi nghe chuyện này. Tuần trước, các bạn thấy cư sĩ Lưu Tố Vân ở Đông Bắc, 11 năm trước bà bị lupus ban đỏ hết sức nghiêm trọng, bác sĩ nói với bà hãy chuẩn bị tâm lý, bà có thể chết bất cứ lúc nào. Bà mắc bệnh lupus ban đỏ nghiêm trọng,

những người mắc bệnh nhẹ hơn đều chết cả rồi, bà chỉ một mực tin tưởng niệm “A-di-đà Phật”, tin A-di-đà Phật là đại y vương, A-di-đà Phật nhất định trị khỏi bệnh cho mình, chỉ với một ý niệm ấy, bà niệm A-di-đà Phật và đã thật sự khỏi bệnh. Đến năm nay là 11 năm rồi, bà đến đây báo cáo với chúng tôi, nói suốt mười mấy giờ, nói thật hay. Năm nay bà 66 tuổi, giảng cho chúng ta ở đây mỗi ngày hai tiếng, sau khi giảng xong, Hương Tiêu Ly ở Thâm Quyển mời bà sang đó, giảng hai ngày ở đạo tràng của cô ấy, mỗi ngày giảng tám tiếng, sáu tiếng diễn giảng, hai tiếng trả lời câu hỏi, không hề có chút mệt mỏi nào. Phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm có oai lực không thể nghĩ bàn.

Tiếp theo nói: *“Nhất hướng chuyên niệm vốn là nguyện thứ mười tám trong bốn nguyện Di-đà, tức là đại nguyện mười niệm ắt sanh”*. Câu này là của nguyện thứ mười tám, câu này xuất phát từ nguyện thứ mười tám. *“Trong lúc tu nhân, Di-đà đã phát đại nguyện mười niệm ắt sanh”*, đây là nói vào lúc lâm chung, nói đến loại người nào vậy? Cả đời không nghe được Phật pháp, không có tín ngưỡng tôn giáo, khi lâm chung, đầu óc tỉnh táo, không mê hoặc chút nào, gặp được bạn lành, gặp được một người niệm Phật, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, họ vừa nghe liền tin tưởng, vừa nghe liền bằng lòng, liền thật làm, niệm A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, mười tiếng liền vãng sanh. Mười tiếng ấy là tịnh niệm tiếp nối, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, mười tiếng, đây là bốn nguyện của A-di-đà Phật. Đại sư Ngẫu Ích cũng từ nguyện này mà nói ra cho chúng ta, có thể vãng sanh hay không quyết định bởi có tín nguyện hay không, họ thật sự tin, nguyện thiết tha, trì danh niệm Phật, tịnh niệm tiếp nối, tuy thời gian rất ngắn nhưng họ có thể thành công, đây là vì tương ứng với bốn nguyện của A-di-đà Phật. *“Cho nên hành nhân phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, ắt được vãng sanh Tịnh độ, chứng đắc viên mãn diệu quả bất thoái”*. Viên chứng ba loại bất thoái: vị bất thoái, hạnh bất thoái, niệm bất thoái.

“Người vãng sanh bậc thượng, trung, hạ trong kinh đều do phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật mà vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Đó là do dùng quả giác làm tâm khi tu nhân, nên tiện lợi vô cùng, hiển bày trọn vẹn bốn nguyện nhất thừa của Di-đà, oai thần công đức không thể nghĩ bàn của sáu chữ hồng danh”. Những lời này là Hoàng Niệm lão hết lòng hết dạ khuyên lon chúng ta, chúng ta đã đầy đủ duyên rồi, chỉ e thiện căn và phước đức còn thiếu một chút. Thiếu một chút cũng không sao, trong đời này chúng ta có thể bỏ khuyết, nói gần

hơn chút nữa thì bây giờ ta bù đắp cho đủ, sẽ đạt được nguyện vọng cầu sanh của mình. Nếu không bù đắp cho đủ thì đời này rất có thể sẽ trôi qua vô ích. Trong tình hình như thế, bản thân chúng ta phải khẳng định rằng nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, chúng ta từng nhiều lần gặp được [pháp môn này], vì sao không vãng sanh? Chính là vì không bù đắp chỗ khiếm khuyết này của tín nguyện, cho nên vẫn lưu chuyển theo nghiệp. Ta thích pháp môn này, nhưng thấy pháp môn nọ cũng rất quan trọng, vẫn làm việc như vậy, không như cô đại đức, cô đại đức trước tiên nắm chắc Tịnh độ rồi mới học pháp khác. Như đại sư Giao Quang, ngài nắm chắc Tịnh độ, khi lâm chung A-di-đà Phật tới tiếp dẫn ngài, ngài đã nắm chắc, nhưng ngài nghĩ đến chú giải kinh Lăng-nghiêm có vấn đề, những chú giải của cô đại đức đều chưa phải là ý của Phật, nên xin A-di-đà Phật cho hoãn lại, để con làm xong bộ chú giải này rồi đi, A-di-đà Phật chấp thuận. Bạn xem, ngài đã nắm chắc Tịnh độ, cũng có nghĩa là đối với sự vãng sanh của chính mình không còn bị trở ngại, có thể tự tại ở trong thế gian này thời gian dài hay ngắn, nếu muốn đi sớm một ngày, được thôi, có thể ra đi; nếu muốn giúp chúng sanh thì ở lại vài năm cũng không trở ngại, có công phu như vậy thì được! Nếu không có công phu như vậy thì chúng ta phải nhớ rằng, việc nắm chắc thế giới Cực Lạc là việc lớn hàng đầu của chúng ta, vì sao vậy? Đến thế giới Cực Lạc sẽ thành Phật. Tổ sư đại đức nói với chúng ta: “chỉ cần thấy Di-đà, lo gì không khai ngộ”, ngộ ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, không phải là ngộ thông thường. Sau khi thật sự triệt ngộ, vậy sẽ giống như Phật, thực hiện đại nguyện thứ nhất trong tứ hoằng thệ nguyện, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, bạn thật sự có thể làm được, đối với chính mình thì việc độ chúng sanh không có mảy may trở ngại nào, chúng sanh có cảm, bạn liền có ứng, cảm ứng đạo giao tuyệt không trái thời.

Từ Hoàn Nguyên Quán chúng ta thấy, khởi lên một ý niệm liền trọn khắp pháp giới, ý niệm cảm của chúng ta trùm khắp pháp giới, Phật Bồ-tát tận hư không khắp pháp giới, Bồ-tát này là pháp thân Bồ-tát, sẽ lập tức ứng. Có khi chúng ta cầu mà không có ứng, có phải là không linh hay không? Không phải. Lúc tôi mới học Phật đã có những nghi vấn này, đại sư Chương Gia giải thích cho tôi, không phải là không có ứng, có ứng, nhưng bạn không cảm nhận được, do nguyên nhân gì? Bản thân bạn có nghiệp chướng. Cảm của chúng ta ví như làn sóng truyền tới Phật Bồ-tát, Phật Bồ-tát liền có hồi ứng, khi sự hồi ứng truyền đến chỗ ta, vì ta có nghiệp chướng nên chính mình không cảm nhận được. Nghiệp chướng tiêu trừ thì cảm ứng vô cùng rõ rệt, trong cửa nhà Phật có cầu ắt ứng. Sự lý của cảm ứng cũng rất sâu,

đức Phật nói với chúng ta có bốn loại. Cho nên học Phật, niệm Phật cũng là tiêu nghiệp chướng, trong kinh nói niệm một tiếng A-di-đà Phật thì tiêu trừ trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, vậy mới biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Cổ đại đức thường nói: Tụng kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật. Vì sao chúng ta niệm Phật không tiêu được nghiệp chướng? Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, chưa đoạn nghi lự, cho nên có hoài nghi, có xen tạp, lại còn thường xuyên gián đoạn, cho nên chúng ta rất khó cảm nhận được ứng của Phật Bồ-tát. Hiểu rõ chân tướng sự thật này, sau đó chúng ta mới biết sám trừ nghiệp chướng là một việc lớn rất quan trọng, sám hối nghiệp chướng. Sám hối bằng cách nào? Vẫn là một câu nói cũ, “buông xuống”, đừng để trong lòng những thứ tạp nhạp thì tâm địa sẽ trở về thanh tịnh, nghiệp chướng được sám trừ. Nghiệp chướng không trừ thì tâm bạn sao có thể thanh tịnh được? Tập khí nghiệp chướng của đời trước và đời này, đời trước thuộc về tập khí, thấy đều phải buông xuống. Nói cách khác, đừng nghĩ tới nữa, không những là việc trước đây, chuyện đã qua rồi, mà phải nhớ kỹ lời Phật dạy: “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, đã là hư vọng, bạn nghĩ tới nó làm gì, bạn nhớ tới nó làm gì? Bạn nghĩ tới nó thì lại tạo nghiệp, bạn nhớ tới nó cũng tạo nghiệp, thân khẩu không tạo nghiệp, nhưng ý đang tạo nghiệp, ý nghiệp không ngừng. Thân khẩu tạo nghiệp còn có lúc gián đoạn, khi ngủ, thân khẩu không tạo nghiệp, nhưng ý vẫn đang tạo nghiệp, ý niệm của bạn không ngừng; nói cách khác, bạn vẫn là trong tâm vướng mắc quá nhiều, không buông xuống được. Hiện nay phải biết, nếu muốn liễu sanh tử, nếu muốn vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo luân hồi, bạn vô cùng hâm mộ Phật Bồ-tát, mong chính mình cũng có thể làm Phật Bồ-tát, vậy thì bạn phải thật sự buông xuống. Bạn không thể làm Phật Bồ-tát là vì chưa buông xuống, buông xuống thì sẽ làm được.

Pháp môn này là do A-di-đà Phật dùng tâm nơi quả giác làm phương tiện rất ráo dạy bảo chúng ta, không giống các pháp môn thông thường. Pháp môn thông thường là dùng tâm nơi nhân để cầu quả giác, cho nên tu những pháp môn này là tiến lên cao qua từng giai đoạn, từ Thập tín tới Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, như thế mà nâng lên cao, dùng tâm nơi nhân để cầu quả giác. Pháp môn này không như vậy, mà là quả giác, danh hiệu A-di-đà Phật là quả giác, lấy tâm quả giác làm nhân cho tâm của chúng ta, nhân và quả không hai, cho nên chúng ta niệm đức hiệu của câu A-di-đà Phật này thì sẽ thành A-di-đà Phật. Chỗ y cứ thật sự là dựa trên căn cứ nào vậy? Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ, dựa trên điều này. Tây Phương Tịnh Độ của A-di-đà Phật do đâu

mà có? Do tự tánh sanh ra, hiện ra, ngày nay chúng ta dùng tự tánh để niệm Phật, cho nên vượt khỏi những tầng cấp ấy, không cần phải qua 41 cấp bậc, là đốn siêu, liền thành tựu. *“Hiển lộ trọn vẹn biển nguyện nhất thừa của Di-đà, oai thần công đức không thể nghĩ bàn của sáu chữ hồng danh”*, điều tôi vừa nói chính là ý nghĩa này. Chúng ta phải thật sự tin những lý và sự này, cho nên pháp môn này gọi là pháp khó tin, bạn không tin, họ không tin, đây là hiện tượng bình thường, nếu không thì sao gọi là “pháp khó tin”? Bồ-tát khó tin, Thanh văn, Duyên giác khó tin, có lúc phàm phu lại tin tưởng, vậy phàm phu có thể vượt hơn Thanh văn, Bồ-tát không? Đương nhiên không thể vượt hơn được. Vì sao phàm phu có thể tin? Trong đời quá khứ đã từng học pháp môn này, trong a-lại-da thức có hạt giống Tịnh độ, đời này gặp được, khiến cho hạt giống trong đời quá khứ lại trôi ra, nếu không có nhân thì sẽ không thể tin tưởng. Bất luận mới đầu học gian nan ra sao, học mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, năm mươi năm thì đã thật sự tin, đó là gì? Hạt giống trong a-lại-da đã trôi ra. Nếu đã học tập từ kiếp lâu xa thì hạt giống được trồng rất sâu trong a-lại-da thức. Nếu gặp duyên thù thắng thì sẽ có bạn lành, có thuận cảnh giúp đỡ bạn, hạt giống trong đời quá khứ nhất định có thể hiện hành, đã kết nối được. Sự kết nối này có khi tới lúc lâm chung mới xảy ra, vừa kết nối là thành công, lâm chung mười niệm liền vãng sanh. Họ vãng sanh ở phẩm vị nào? Nói hạ hạ phẩm thì cũng rất khó nói, hạ hạ phẩm là đa số, nhưng cũng có người là thượng thượng phẩm, là thiểu số, điều này liên quan đến sự tu học trong đời quá khứ, tuyệt đối không phải là thành tựu trong một đời.

“Lại nữa, đối với nhất hướng niệm Phật, cổ nhân nói: Bạc thượng là suốt đời, bạc hạ là chỉ mười niệm. Bạc thượng thọ trì suốt đời là kể từ ngày phát tâm niệm Phật, bền suốt đời niệm Phật”, kể từ khi hiểu rõ ràng sáng tỏ Tịnh tông thì hoàn toàn tiếp nhận, liền bắt đầu thật thà niệm Phật, sống một ngày thì niệm một ngày, đó gọi là thọ trì suốt đời, *“mãi cho đến một niệm sau cùng lúc lâm chung, đó là bạc thượng. Bạc hạ thì chưa được như vậy, hoặc do chướng nặng, hoặc công việc bận bịu, không rảnh để niệm nhiều được”*, đây là nói tới phước đức. Quý vị nhất định phải biết phước đức thật sự là gì? Niệm Phật là phước đức thật sự, bạn suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn, đó là người đại phước đức! Vì sao nói là người đại phước đức? Vãng sanh thế giới Cực Lạc không phải là phước đức tuyệt vời hay sao? Không phải là đại phước đức thì làm sao bạn có thể vãng sanh? Suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu Phật hiệu này, bạn càng niệm, phẩm vị càng cao, như trong kinh Thập Lục Quán nói, tương lai bạn vãng sanh, hoa sen

càng ngày càng lớn. Mọi thứ trong thế giới Cực Lạc đều giống nhau, chỉ có hoa sen là khác biệt, vì sao vậy? Công phu niệm Phật của mỗi người khác nhau, nên hoa sen lớn nhỏ khác nhau, ánh sáng và màu sắc của mỗi hoa sen khác biệt. Do vậy, người trong thế giới Cực Lạc nhìn thấy rất rõ ràng, người trong hoa sen ấy tuy chưa sanh về, nhưng đã nhìn thấy trước hoa sen, thấy hoa sen trong ao bảy báu, nhìn hoa liền biết công phu niệm Phật của người nào đó rất khá, công phu niệm Phật của người nào đó còn kém một chút, họ đều có thể nhìn thấy rõ ràng từ nơi ấy. Hoa sen lớn, ánh sáng và màu sắc đẹp, chắc chắn họ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thành Phật rất nhanh, vì có công phu rất sâu.

Trong kinh, đức Phật nói với chúng ta, tu hành một ngày ở thế giới Ta-bà bằng tu hành một trăm năm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới này cũng hay! Thế giới này giúp chúng ta nhanh chóng thành tựu; đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thành tựu chậm chạp, ở đây thành tựu rất nhanh. Cái hay của thế giới Tây Phương là thọ mạng dài, vô lượng thọ, không bị mê khi cách âm, thành tựu trong một đời; thế gian này sóng gió quá lớn, thoát chìm thoát nổi đời đời kiếp kiếp, cho nên khổ nhiều vui ít. Nhưng nếu tu hành thì nơi đây đúng là chôn tu hành tốt, thời thời khắc khắc, từng giây từng phút đều khảo nghiệm công phu của bạn. Quyết định không được sanh phiền não, trong thuận cảnh không tham luyến, phải đoạn tâm tham luyến này, trong nghịch cảnh không oán hận; nói cách khác, trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, tu điều gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng, giác không cần nhắc tới, hễ thanh tịnh bình đẳng thì tự nhiên sẽ giác. Điều này tương ứng với đạo lý chuyển thức thành trí của Pháp Tướng tông, Tướng tông nói với chúng ta chuyển thức thành trí là chuyển thức thứ sáu và thứ bảy nơi nhân, chuyển năm thức trước và thức thứ tám nơi quả. Chuyển ý thức thứ sáu thành *diệu quan sát trí*, đó là tâm thanh tịnh, chuyển thức thứ bảy thành *bình đẳng tánh trí*, thức thứ bảy không còn phân biệt, bình đẳng sẽ hiện tiền. Giác là chuyển nơi quả, cho nên chúng ta phải coi trọng tu thanh tịnh và bình đẳng, tức là chuyển thức thứ sáu và thứ bảy, thức thứ sáu và thứ bảy đã chuyển rồi thì thức thứ tám và năm thức trước sẽ chuyển theo. Chúng ta dùng phương pháp gì để chuyển? Chỉ dùng câu Phật hiệu này, trong thuận cảnh vừa khởi lên một chút ý niệm tham liền A-di-đà Phật, liền chuyển ý niệm ấy thành A-di-đà Phật; trong nghịch cảnh, vừa mới khởi một chút oán hận, liền A-di-đà Phật, chuyển toàn bộ thành A-di-đà Phật, cách này tuyệt diệu! Vì thế tổ sư đại đức thường nói “thâm hợp đạo mầu”, không thấy chuyển, nhưng thật sự chuyển biến, Phật hiệu câu này nói

tiếp câu kia, không để gián đoạn, trong mỗi tiếng Phật hiệu không có hoài nghi, không có xen tạp thì công phu thuần thực.

Tiếp theo nói: “*Dù mỗi ngày hành pháp thập niệm, cũng phù hợp với nhất hướng chuyên niệm*”. Pháp thập niệm là tổ sư đại đức nói cho người gặp lúc công việc bận bịu, quá nhiều việc, không có thời gian để niệm Phật, cũng không có thời gian để công khóa sáng tối, bạn liền dùng pháp thập niệm. Buổi sáng thức dậy, sau khi rửa mặt súc miệng, hướng về tượng Phật, nếu không có tượng Phật, hãy hướng về phương Tây, cứ hết một hơi là một niệm, một niệm này không câu nệ nhiều hay ít, niệm một hơi A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, hết một hơi là một niệm, niệm mười hơi, suốt đời không gián đoạn, cũng gọi là nhất hướng chuyên niệm. Khi tôi ở Singapore, tôi dạy các đồng học một cách thập niệm khác, là mười tiếng Phật hiệu, dùng pháp thập niệm này, về mặt thời gian còn dễ làm hơn. A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, niệm mười câu như vậy, mỗi ngày niệm chín lần. Buổi sáng thức dậy, rửa mặt súc miệng, niệm một lần; buổi tối trước khi ngủ niệm một lần, đây là hai lần; mỗi ngày khi ăn ba bữa cơm đều niệm mười câu Phật hiệu rồi mới ăn, đây là ba lần, vậy là năm lần rồi; buổi sáng bạn đi làm, buổi chiều tan sở, trước khi làm việc, ngồi nơi bàn làm việc niệm mười câu rồi mới làm, khi tan sở, sau khi làm xong công việc, niệm mười câu Phật hiệu rồi mới rời khỏi chỗ, buổi sáng và buổi chiều thành bốn lần, tổng cộng chín lần. Niệm ở đâu ý ở đó, tuy rất đơn giản, thời gian chỉ một phút là xong, nhưng hết sức có hiệu quả. Vì sao vậy? Từng giây từng phút bạn đều nghĩ tới Phật. Dùng cách này làm định khóa, những lúc khác là tán khóa, tán khóa là khi nào bạn nghĩ đến liền niệm khi đó; còn cách này mỗi ngày chín lần, mỗi lần niệm mười câu Phật hiệu, lấy đây làm định khóa, thật sự không tốn thời gian, không lỡ làng công việc. Pháp môn này quả thật vô cùng thuận tiện, cách này phù hợp với nhất hướng chuyên niệm.

“*Thấp hơn nữa thì như Quán kinh nói, kẻ ác nghịch lúc sắp mạng chung, được nghe thánh giáo, chỉ tâm hối cải, xưng danh mười niệm, cũng được vãng sanh, cho nên gọi là mười niệm ắt sanh*”. Điều này được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Kinh nói kẻ tạo tội nghiệp ngũ nghịch thập ác sẽ đọa địa ngục A-tỳ, đại ác không thể tha, người ấy khi lâm chung nếu gặp được một người niệm Phật khuyên nên niệm Phật, liền thật tâm hối cải. Có thể thật tâm hối cải là do thiện căn trong đời quá khứ hiện tiền, cả đời này không tu thiện, thập ác ngũ nghịch, lâm chung quay đầu, thật sự hối cải, niệm A-di-đà Phật mười tiếng liền tắt hơi, vẫn có

thể vãng sanh. Đây là điều được nói trong nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật, pháp môn này quá thù thắng. Tiếp theo lão cư sĩ nói với chúng ta: “*Hành giả nên biết*”, hành giả là người niệm Phật, nhất định phải biết. “*Nhất hướng chuyên niệm nghĩa là từ lúc mới phát tâm niệm Phật mãi cho đến một niệm sau cùng lúc lâm chung*”, đây gọi là nhất hướng chuyên niệm. “*Nhưng then chốt quả thật là lúc cuối cùng*”, quan trọng nhất là lúc bạn sắp ra đi, một niệm sau cùng là A-di-đà Phật thì bạn mới có thể vãng sanh, một niệm cuối cùng khi lâm chung phải là A-di-đà Phật. Cho nên trợ niệm rất quan trọng, quan trọng ở chỗ nào? Trợ niệm là do sợ người ấy trong một niệm cuối cùng quên mất, chúng ta dùng phương pháp này để nhắc nhở, khiến một niệm cuối cùng của họ là A-di-đà Phật, vậy thì chắc chắn vãng sanh. Bất luận công phu niệm Phật cả đời của họ ra sao, một niệm sau cùng rất quan trọng. Trong một niệm cuối cùng, người ta thường không nắm chắc, nếu tập khí phiền não khởi hiện hành thì sẽ đánh mất cơ hội này. Niệm Phật suốt đời, tới một niệm sau cùng mà trong lòng có vương mắc cũng không được, những chuyện này chúng tôi đã đích thân nhìn thấy.

Tiếp theo nêu thí dụ: “*Người ác nghịch như đã nói ở trên*”, chính là người tạo ngũ nghịch thập ác, “*niệm Phật mười tiếng*”, họ chỉ niệm mười tiếng, “*tiếng thứ nhất là niệm đầu tiên, tiếng thứ mười là mạng chung*”, vậy vẫn coi như là “*từ sơ phát tâm cho đến lúc mạng chung đều luôn trì danh*”. Người này phước báo quá lớn, cả đời làm ác, lâm chung gặp được bạn lành, họ vẫn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Họ vốn phải đọa địa ngục A-tỳ, bạn xem, đã đưa họ từ địa ngục A-tỳ đến thế giới Cực Lạc làm Phật, cho nên họ phù hợp với tông chỉ nhất hướng niệm Phật, thật quá thù thắng. Chúng ta không thể không biết điều này, có chuyện như vậy, rất khó được, rất hiếm có. Thế nên người niệm Phật chúng ta tuyệt đối không được có tâm lý cầu may, hiện nay mình làm chút chuyện xấu cũng không sao, đến khi lâm chung mình vẫn có cách, vẫn trở tay kịp, vậy thì sai rồi. Khởi lên ý niệm này chính là ý niệm ác không gì bằng, muốn tìm kẽ hở trong bốn nguyện của A-di-đà Phật, như vậy thì quá đáng ghét, chắc chắn không thể nào chấp nhận được, cho nên chúng ta không thể không biết chuyện này. Con người phải thật thà, phải thành khẩn, không được có một niệm ác, có niệm ác thì không tốt rồi.

“*Ngược lại, như có người niệm Phật mấy chục năm, nhưng trong giai đoạn cuối cùng, lại coi thường pháp trì danh, đổi sang tu pháp khác, hoặc lúc lâm chung không ưa thích Cực Lạc mà lưu luyến thế gian, không thể niệm Phật, thì không thể*

gọi là nhất hướng chuyên niệm”. Chuyện này chúng tôi cũng thấy rất nhiều, có thật, không những có, mà còn rất nhiều. Tới lúc lâm chung, họ lưu luyến thế gian này, lưu luyến lớn nhất là tình cảm đối với người thân, đây là tập khí nặng nhất. Cho nên trong sách Sứ Chung Tu Tri, cổ đại đức nói với chúng ta, khi đưa người vãng sanh, khi họ sắp vãng sanh thì tốt nhất là đừng để họ nhìn thấy người nhà quyến thuộc, con cái, vì sao vậy? Nhìn thấy thì họ sẽ động tâm, hễ động tâm thì hỏng rồi. Thế nên hãy để cho đồng đạo, đồng tu niệm Phật tới chăm sóc họ, tiễn họ vãng sanh. Sau khi họ vãng sanh, người nhà quyến thuộc mới có thể bước vào, hơn nữa thông thường là tám tiếng đồng hồ sau khi họ tắt hơi thì người nhà quyến thuộc mới được bước vào, thân thức của họ đã rời khỏi, đây là sợ nhiễu loạn họ. Người thật sự vãng sanh, vừa tắt hơi liền ra đi, vãng sanh nhanh chóng. Có người nhờ vào trợ niệm, tuy tắt hơi nhưng vẫn chưa đi, linh hồn vẫn còn quanh quẩn bên thân thể, lúc ấy công đức niệm Phật vô cùng thù thắng, khiến họ nghe mỗi âm thanh đều là Phật hiệu, cuối cùng cũng theo Phật hiệu ra đi, việc này tốt. Phải biết rằng, việc niệm Phật tiễn người vãng sanh rất nhiều, thật sự là rất nhiều người vãng sanh nhờ vào trợ niệm, cho nên trợ niệm phải như pháp, nếu không như pháp thì phiền phức sẽ rất lớn.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: *“Hoặc nghi niệm Phật sao có công đức như thế được”*. Nghi là một trong những căn bản phiền não, căn bản phiền não gồm sáu loại, sau tham sân si mạn là nghi, cuối cùng là ác kiến, ác kiến chính là tư hoặc, gồm thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, gọi gộp lại là ác kiến. Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ-tát, Bồ-tát không thể khai ngộ, không thể kiến tánh, người niệm Phật không thể vãng sanh đều do chữ nghi này. Đó không phải là thật tin, mà là lòng tin chưa đến mức, chẳng phải nói bạn không có lòng tin, tin 100% thì không nghi ngờ, tin 99%, vẫn còn một phần nghi, một phần nghi ấy chính là chướng ngại nghiêm trọng, chướng ngại bạn không thể thành tựu, bạn nói chuyện này có phiền phức hay không? Trước đây chúng tôi nghe thầy giảng, cảm thấy rất khó lý giải, thầy đã nêu thí dụ cho chúng tôi, thầy nói thí dụ như chén trà này đựng đề-hồ, một chén đầy đề-hồ, đề-hồ là thức uống ngon nhất, trong đây có một giọt thuốc độc, chỉ một giọt thôi mà toàn bộ chén đề-hồ đều biến thành thuốc độc, bạn uống một ngụm thì sẽ tử vong. Điều này có nghĩa là gì? Bạn có lòng tin 99%, trong đó có 1% là nghi, đó chính là một giọt thuốc độc, phá hoại hết 99% tín tâm của bạn. Thí dụ rất hay! Khiến chúng ta thật sự có thể đề cao cảnh giác, không được hoài nghi kinh giáo, không được hoài nghi Phật Bồ-tát, không được hoài nghi

thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình, có một chút hoài nghi sẽ chướng ngại thành tựu của bạn. Phải thật tin, bạn xem kinh nói tín nguyện chân thật, tin chân thật, nguyện thiết tha, công đức ấy vô cùng thù thắng.

“*Bởi vì năng niệm và sở niệm đều là thật tướng*”, Niệm lão giải thích cho chúng ta vì sao niệm Phật có công đức thù thắng như vậy. Cái có thể niệm là tâm giác, đối tượng được niệm là vị Phật đã chứng quả, nhân quả tương ưng. Tâm giác không mê là thật tướng, vị Phật chứng quả cũng là thật tướng, cho nên công đức ấy không thể nghĩ bàn. Người niệm Phật lâm chung, kẻ ngũ nghịch thập ác lâm chung niệm Phật mười niệm đều vãng sanh, từ địa ngục A-tỳ họ liền thành Phật, vượt thoát lục đạo, ra khỏi mười pháp giới, đến thế giới Cực Lạc làm Bồ-tát A-duy-việt-trí, đều là thật tướng. “*Di-đà Yếu Giải nói: quang thì ngang khắp mười phương, thọ thì dọc suốt ba đời. Ngang dọc nối nhau trọn khắp, đều là thể của pháp giới. Lấy thể ấy làm thân và cõi nước của Di-đà, cũng tức là lấy thể ấy làm danh hiệu Di-đà, cho nên danh hiệu Di-đà chính là lý tánh bốn giác của chúng sanh. Trì danh là thi giác hợp với bốn giác, thi giác và bốn giác không hai, chúng sanh và Phật không hai, do vậy một niệm tương ưng thì niệm ấy là Phật, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm là Phật*”. Chuyện này Phật Bồ-tát, tổ sư đại đức đã giảng thấu triệt cho chúng ta, quang chiếu khắp mười phương, đại biểu cho không gian; thọ là quá khứ, hiện tại, tương lai, đại biểu thời gian, hiện nay chúng ta gọi là thời không. “*Ngang dọc nối nhau trọn khắp*”, ngang là không gian, dọc là thời gian, thời gian và không gian đều là vô lượng vô tận, không có bờ bến, đây là thể của pháp giới, đây là công đức viên mãn trong tự tánh, kinh Hoa Nghiêm nói đến thể, tướng, dụng. Lấy thể này làm thân Di-đà, tức là thân pháp tánh, Tây Phương Tịnh Độ là cõi nước pháp tánh, không rời khỏi tự tánh. Lấy thể này làm danh hiệu Di-đà, là danh hiệu của pháp tánh, cho nên danh hiệu này chính là lý tánh bốn giác của hết thảy chúng sanh, tức là đức hiệu vốn có của tự tánh, dùng danh hiệu rất sâu này để gọi tự tánh của chúng ta quay trở về.

Trong Mật giáo gọi là tam mật tương ưng, Tịnh tông cũng phải gọi là tam mật tương ưng, câu danh hiệu này không khác gì câu chú trong Mật tông, nó là tiếng Phạn, A-di-đà Phật là dịch âm, nó chính là tự tánh, cho nên bạn phải hiểu ý nghĩa này. A nghĩa là vô, di-đà nghĩa là lượng, Phật nghĩa là giác. Bạn nghĩ tới giác, nhất định sẽ nghĩ đến giác chánh tịnh, là chữ giác trong nhan đề kinh này của chúng ta; chánh là gì? Chánh là bình đẳng, bình đẳng thì mới chánh; trước đó là

thanh tịnh, giác chánh tịnh, thanh tịnh là tịnh, bình đẳng là chánh, rồi đến giác. Vô lượng giác, vô lượng bình đẳng thanh tịnh, từng giây từng phút nhắc nhở chính mình thì tự nhiên tất cả mọi ô nhiễm đều không còn, bạn đã trở về giác chánh tịnh, trở về thanh tịnh bình đẳng hoàn toàn thì thi giác hợp với bản giác, thi giác và bản giác không hai, chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh liền thành Phật, đây gọi là một niệm tương ưng thì niệm ấy là Phật, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm là Phật. Tương ưng bằng cách nào? Chúng ta từ chỗ này mới biết được tin tức. Cũng chính là chúng tôi thường nhắc nhở đồng học, tương ưng là thế nào? Niệm niệm tương ưng với thanh tịnh bình đẳng giác, nhân đã tương ưng, quả liền tương ứng. Nơi nhân là thi giác, là chúng sanh; nơi quả là bản giác, là Phật. Nơi quả là gì? Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm, chính là đã tương ưng. Có nhân thì nhất định có quả, cho nên từ nhan đề kinh này, bạn nhìn vào nửa phần sau và nửa phần trước sẽ thấy, thi giác và bản giác không hai, chúng sanh và Phật không hai, một niệm tương ưng thì niệm đó là Phật, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm là Phật. Tìm đâu ra pháp môn thù thắng như vậy? Ngoài Tịnh tông ra thì đều không tìm được. Thù thắng hiếm có khó gặp không gì bằng, cho nên chúng ta phải trân quý, phải thật làm.

Nhân đây tôi báo một tin với mọi người, tối nay tôi đáp máy bay sang Úc, ngày mai mừng một sẽ tới nơi, mừng một lên núi, tôi không thể giảng kinh, ngày kia là mừng hai, chúng tôi sẽ bắt đầu giảng tiếp. Chúng ta có thể xem bài giảng từ trên mạng, tuy rời khỏi nơi đây hai mươi mấy ngày, nhưng chúng ta giảng kinh và cùng nhau học tập không gián đoạn. Tốt rồi, cảm ơn mọi người.